VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận tại Tờ trình số 4064/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 và Công văn số 4582/UBND-TH ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan và về tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

- Xây dựng lộ trình phân kỳ đầu tư triển khai các dự án trong quy hoạch, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

- Xác định nội dung trọng tâm, tiến độ, các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm tuân thủ, kế thừa, thống nhất, đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt; phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư công, đầu tư và các quy định có liên quan.

- Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, hiệu quả của kế hoạch; đẩy mạnh phân cấp, tạo sự chủ động cho địa phương trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh, nhất là các nội dung thuộc thẩm quyền của địa phương.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để từng bước phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh bảo đảm đồng bộ, hiện đại.

- Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, thực tiễn phát triển của tỉnh; lấy "*đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*", đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công và dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Các dự án đầu tư công

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội bảo đảm đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, kết nối nội vùng và liên vùng; tập trung huy động mọi nguồn lực tạo không gian phát triển mới theo nguyên tắc "*Một trục động lực - Hai trục liên kết - Ba trung tâm - Ba hành lang phát triển*" và phát triển 04 khu vực có vai trò động lực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư các dự án, chương trình có sức lan tỏa, có vị trí, ý nghĩa quan trọng, giải quyết nhu cầu bức thiết về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng cho phát triển kinh tế biển, hạ tầng các khu công nghiệp, hạ tầng thông tin, truyền thông, chuyển đổi số và hạ tầng thủy lợi, bảo vệ nguồn nước.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn, y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

Huy động tối đa nguồn vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước và khu vực FDI, nhất là các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, có tiềm lực mạnh, có thương hiệu, có khả năng cạnh tranh; ưu tiên thu hút đầu tư vào 03 trụ cột phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh. Tăng cường khuyến khích, đẩy mạnh hình thức đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hình thức xã hội hóa.

(Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo)

2. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021 - 2025:

Thực hiện theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030:

Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với các định hướng sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước, Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc.

3. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư toàn Tỉnh lũy kế đến năm 2030 cần khoảng 750.000 tỷ đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Nhu cầu nguồn vốn	**Giai đoạn 2021 - 2030**		
	Tổng	**Giai đoạn 2021 - 2025**	**Giai đoạn 2026 - 2030**
Tổng số	**750.000**	**260.000**	**490.000**
Nguồn vốn khu vực nhà nước	144.000	55.000	89.000
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	538.000	187.000	351.000
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	68.000	18.000	50.000

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về thu hút đầu tư phát triển

- Thực hiện tốt phương châm "*Lấy đầu tư công dẫn dắt và kích hoạt đầu tư tư*"; bố trí vốn đầu tư công theo hướng tập trung, ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công cho các công trình, dự án trọng điểm, công trình có tính chất tạo động lực mới, không gian mới, tạo sự đột phá, có tác động lan tỏa để phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng danh mục chương trình/dự án quan trọng ưu tiên đầu tư nhằm tạo động lực phát triển các ngành, lĩnh vực ở địa phương; hoàn thành công tác lập, điều chỉnh, công bố quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất theo quy định.

- Đẩy mạnh huy động các nguồn vốn khu vực kinh tế tư nhân, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các nguồn vốn khác. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hình thức đối tác công tư (PPP), bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội. Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch có hiệu quả.

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư; chú trọng thu hút đầu tư và tạo điều kiện cho các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, có tiềm lực mạnh, có thương hiệu, có khả năng cạnh tranh đầu tư, sản xuất, kinh doanh, phát triển nhanh, bền vững, tạo động lực lan tỏa thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khác, ưu tiên các lĩnh vực: năng lượng, công nghiệp chế biến, công nghiệp công nghệ cao, du lịch,…

- Tăng cường cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; thường xuyên rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho chủ đầu tư các dự án ngoài ngân sách đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào hoạt động.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách nhằm thu hút đãi ngộ, trọng dụng nhân tài. Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, đánh giá, khen thưởng theo Đề án vị trí việc làm và Hợp đồng lao động, quy định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân. Có chế độ khen thưởng, kỷ luật một cách công khai, minh bạch đúng đối tượng.

- Tiếp tục xây dựng chính quyền kiến tạo, quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của chính quyền địa phương các cấp, đảm bảo từng bước chuyên nghiệp, giỏi về chuyên môn, ngoại ngữ, có đạo đức công vụ, trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, sẵn sàng phục vụ doanh nghiệp và người dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh phân luồng học sinh ngay từ bậc Trung học cơ sở. Tăng cường công tác thông tin, dự báo về cung - cầu lao động. Quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo hợp tác với doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thiết kế chương trình, nội dung đào tạo và trực tiếp đào tạo, sử dụng nhân lực. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội.

3. Giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ

- Khuyến khích, thu hút các dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghệ cao; các dự án đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, không gây ô nhiễm môi trường.

- Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của Tỉnh hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh; đẩy nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử.

4. Giải pháp về bảo đảm an sinh xã hội

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương, đồng thời nghiên cứu ban hành các chính sách thuộc thẩm quyền của Tỉnh về hỗ trợ phát triển đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân, người lao động.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận chính sách tín dụng, đất đai, ứng dụng khoa học - công nghệ,... để phát triển kinh tế. Khuyến khích, động viên, tạo động lực để người dân, người lao động có khát vọng, ý chí vươn lên, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân và tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ y tế. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chú trọng chăm lo cho các đối tượng chính sách, yếu thế, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên huy động mọi nguồn lực, đầu tư phát triển nhanh, bền vững và toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo, các khu vực, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn của Tỉnh; từng bước xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm các vấn đề an sinh xã hội.

5. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Hoàn thiện các quy định pháp lý về quản lý môi trường; xây dựng, ban hành các chính sách khuyến khích bảo vệ môi trường; đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là xử lý ô nhiễm môi trường. Tăng cường theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình các điểm nóng môi trường.

- Khuyến khích, thu hút các dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghệ cao; các dự án đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, không gây ô nhiễm môi trường. Di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, cơ sở dịch vụ gây ô nhiễm môi trường đang hoạt động trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp.

- Tăng cường nguồn vốn ngân sách cho sự nghiệp môi trường hằng năm; tăng cường truyền thông, tuyên truyền về ý thức chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về môi trường, xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tăng cường phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; phối hợp với các địa phương lân cận thuộc lưu vực hệ thống sông giải quyết các vấn đề môi trường mang tính liên vùng.

6. Giải pháp về bảo đảm nguồn lực tài chính

- Huy động tốt các nguồn thu từ thuế, phí vào ngân sách; khai thác hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai, tài sản công tạo nguồn vốn đầu tư phát

triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Tỉnh. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thực hiện tốt, có hiệu quả việc giải ngân vốn đầu tư công, nhất là công tác chuẩn bị đầu tư, đền bù, giải phóng mặt bằng; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai dự án; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ và hiệu quả nguồn vốn.

- Phối hợp chặt chẽ, tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về nguồn vốn ngân sách Trung ương, nguồn vốn ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tập trung vào các công trình mang tính chất liên vùng, cấp vùng trên địa bàn Tỉnh.

7. Giải pháp về bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Xây dựng khu quân sự, khu an ninh đảm bảo thế trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Xác định các khu quân sự, khu an ninh trên địa bàn Tỉnh đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; bảo vệ tuyệt đối an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, "thế trận lòng dân" gắn với thế trận an ninh Nhân dân ngày càng vững chắc.

- Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; bố trí các công trình quốc phòng mang tính kết hợp lưỡng dụng đáp ứng yêu cầu quốc phòng - an ninh trong khu vực phòng thủ cũng như phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh thực hiện tổ chức xây dựng lực lượng thường trực theo biên chế, chỉ tiêu quy định; không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện, đáp ứng sự phát triển về nhiệm vụ trong tình hình mới; chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện từ sớm, từ xa để xử lý kịp thời, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Thực hiện công tác huấn luyện cho lực lượng vũ trang có bản lĩnh chính trị vững vàng; có trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, sáng tạo, kiên quyết, hiệu quả trong xử lý tình huống, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận nghiên cứu, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) Tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận; (iii) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Công văn số 4582/UBND-TH ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iv) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án dự kiến ưu tiên thực hiện; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin rộng rãi tới Nhân dân, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài; chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án, phương án phát triển các ngành, lĩnh vực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Định kỳ đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./.

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
I	**Lĩnh vực năng lượng, cấp điện**					
I.1	***Hệ thống truyền tải điện***					
1	Các TBA 500 kV, đường dây 500 kV	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
2	Các TBA 220 kV, đường dây 220 kV	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Các TBA 110 kV, đường dây 110 kV	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	Chi tiết tại Phụ lục 2

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
I.2	***Các dự án nguồn điện***					
1	Điện khí LNG Mũi Kê Gà		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
2	Nhiệt điện Vĩnh Tân III	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
3	Nhiệt điện LNG Sơn Mỹ I		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
4	Nhiệt điện LNG Sơn Mỹ II		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
5	Các dự án nhà máy điện mặt trời, điện gió, thủy điện, nguồn điện khác (như: điện sinh khối, điện rác, điện đồng phát, pin lưu trữ, thủy điện trên hồ thủy lợi, thủy điện tích năng…)	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
II	**Lĩnh vực giao thông**					
1	Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông (đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Thuận)	x	x		Ngân sách nhà nước	Thực hiện theo Kế hoạch đầu tư của Bộ Giao thông vận tải trong từng giai đoạn
2	Đường bộ cao tốc Vĩnh Hảo - Liên Khương		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
3	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 28B (đoạn qua tỉnh Bình Thuận)	x	x	x	Ngân sách Trung ương	
4	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 (đoạn Phan Thiết - Đồng Nai)	x	x	x	Ngân sách Trung ương	
5	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 28		x	x	Ngân sách Trung ương	
6	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 55		x	x	Ngân sách Trung ương	
7	Xây mới Quốc lộ 51C (đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Thuận)		x	x	Ngân sách Trung ương	
8	Nâng cấp tuyến đường sắt quốc gia (đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Thuận)	x	x	x	Ngân sách Trung ương	
9	Đường sắt tốc độ cao (đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Thuận)		x	x	Ngân sách Trung ương	
10	Cảng hàng không Phan Thiết	x	x		Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước	
11	Đường từ Cảng hàng không Phan Thiết đến khu vực xã Hòa Thắng		x	x	Ngân sách địa phương, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
12	Đường sắt nhẹ đô thị (LRT) kết nối trực tiếp từ sân bay Phan Thiết tới Phan Rí Cửa		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
13	Đường sắt nhẹ đô thị (LRT) kết nối các KDL Hòn Rơm - Mũi Né - Quảng trường biển Hàm Tiến - Trung tâm thành phố Phan Thiết		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
14	Đường, cầu lấn biển tại cửa sông Cà Ty và sông Phú Hài		x	x	Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương	
15	Công trình kết nối từ đất liền đến đảo Hòn Cau (cầu vượt biển, cáp treo)		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
16	Sân bay Phú Quý		x	x	Vốn ngoài nhà nước	
17	Xây mới, cải tạo, nâng cấp các tuyến ĐT: 711, 712, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 719B, 720, 766, Liên Hương - Phan Dũng - Tà Hoàng, Thuận Hòa - Liên Hương	x	x	x	Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương	
18	Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường ven biển trên địa bàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương	
19	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường kết nối với Quốc lộ 1, sân bay, các tuyến đường tránh QL1, QL28, QL55, ĐT.719… trên địa bàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
20	Đầu tư mới, sửa chữa nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường giao thông đô thị, đường huyện trọng yếu, đường vào các khu sản xuất, khu du lịch, khu, cụm công nghiệp… trên địa bàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
21	Đầu tư xây dựng các nút giao khác mức liên thông với đường bộ cao tốc và đường giao thông kết nối đường bộ cao tốc đến thành phố Phan Thiết, các khu vực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt
22	Nâng cấp bến cảng biển: Vĩnh Tân, Phan Thiết, Phú Quý	x	x	x	Ngân sách địa phương, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
23	Cảng cạn Hàm Thuận Nam	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
24	02 Cảng cạn: Hàm Tân và Vĩnh Tân[1]	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
25	Xây dựng mới các bến cảng biển: Kê Gà, Sơn Mỹ	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
26	Đèn biển La Gàn[2]	x	x		Ngân sách Trung ương	
27	Xây dựng các bến thuyền - bến thủy nội địa	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
28	Xây dựng các bến xe khách trên địa bàn tỉnh	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
29	Xây dựng các bến xe tải: Vĩnh Tân, Phan Thiết	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
30	Trung tâm Logistics sân bay Phan Thiết	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
31	Trung tâm Logistics Bình Thuận	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
III	**Lĩnh vực công nghiệp**					
1	Khu kinh tế ven biển		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

[1] Nghiên cứu thu hút đầu tư xây dựng 02 cảng cạn khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định hiện hành và phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn quốc gia.

[2] Đèn biển La Gàn thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình các đèn biển Đá Lát, Tư Chính A, Tư Chính B, Phúc Nguyên, Mũi La Gàn, bãi cạn Cà Mau, Trường Sa Đông, Phan Vinh, Sậu Đông, Lạch Ghép, Lạch Quèn, Cửa Vạn, Hòn La đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1581/QĐ-BGTVT ngày 26/8/2021. Tọa độ VN-2000 ((kinh tuyến trục $108^0$30’, múi chiếu 3^0): (1234777 522173); (1234753; 522199); (1234720; 522169); (1234743; 522143))

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
2	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp quy hoạch	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước, FDI	
3	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
4	Các dự án chế biến nông, lâm, thủy sản	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
5	Các dự án sản xuất, lắp ráp thiết bị điện - điện tử, linh kiện máy tính, thiết bị công nghệ cao.	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
6	Các dự án sản xuất phụ tùng ô tô, lắp ráp ô tô	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
7	Các dự án sản xuất nguyên liệu dệt may, da	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
8	Các dự án sản xuất linh kiện, thiết bị điện gió, điện mặt trời	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
9	Các dự án sản xuất hệ thống cấp đông và thiết bị đông phục vụ hoạt động đánh bắt hải sản, cơ khí công nghiệp	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
10	Khu đóng sửa tàu thuyền	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
11	Các dự án khai thác, chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
12	Khai thác chế biến sâu khoáng sản titan gắn với công nghệ tiên tiến, hiện đại	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
IV	**Dịch vụ, thương mại**					
1	Các Trung tâm thương mại/siêu thị	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
2	Xây dựng tòa nhà Văn phòng	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
3	Chợ đầu mối nông sản	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
4	Chợ đầu mối thủy sản	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Trung tâm hội chợ, triển lãm, trưng bày, giới thiệu sản phẩm tỉnh Bình Thuận	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
6	Kho xăng dầu	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
7	Kho khí đốt	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
8	Kho khí LNG	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
9	Đường ống LNG và hệ thống đường ống phân phối khí	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
10	Đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới phát triển mạng lưới chợ, hình thành một số khu chợ đêm phục vụ du lịch	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
V	**Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản**					
V.1	***Thủy lợi***					
1	Dự án xây dựng Hồ chứa nước Ka Pét	x	x		Ngân sách Trung ương	
2	Dự án xây dựng hồ chứa La Ngà 3	x	x	x	Ngân sách Trung ương	
3	Xây dựng các hồ chứa nước: Cà Tót, Tân Lê, Đá Bạc Thượng, Tà Hoàng, Sông Tom, Suối Trâm Thượng, Cô Kiều (thượng), Sông Dinh 3 (giai đoạn 2), Sông Giang, Sông Giêng, Sông Phan, Đa Khuynh, Tân Lập 1, Tân Lập 2,	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
	Biển Lạc, Măng Tố, Bưng Thị, Suối Nậm (nghiên cứu xây dựng hồ đa mục tiêu Phan Rí Thành phục vụ cho công nghiệp titan và cấp nước cho sinh hoạt và các hoạt động nông nghiệp)					
4	Xây dựng các hồ chứa nước ngọt và nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước huyện Phú Quý	x	x	x	Ngân sách Trung ương	
5	Dự án cải tạo, nâng cấp các hồ chứa lớn, vừa và nhỏ toàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
6	Dự án nâng cấp, xây dựng các đập: Tà Pao, Võ Đắc		x		Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
7	Xây dựng các đập ngăn mặn: Sông Lũy, Sông Phan		x		Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
8	Xây dựng các trạm bơm: Phan Lâm - Phan Sơn, Cà Tót, Mê Pu, Hồng Liêm, Siểng Giang, Ba Bàu về xã Tiến Thành, Ku Kê	x	x		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
9	Tuyến chuyển nước từ hồ La Ngà 3 cấp nước khu vực phía Nam Bình Thuận		x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
10	Dự án hoàn thiện hệ thống công trình sử dụng nước hồ Sông Lũy		x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
11	Dự án xây dựng hệ thống đường ống tiếp nước liên huyện phía Nam tỉnh Bình Thuận		x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
12	Dự án xây dựng hoàn chỉnh khu tưới hệ thống thủy lợi Tà Pao		x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
13	Xây dựng hệ thống kênh chuyển nước, tiếp nước, hệ thống kênh tưới	x	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	Nghiên cứu sử dụng đa mục tiêu các hệ thống công trình thủy lợi (nuôi trồng thủy sản, hoạt động du lịch, đầu tư điện năng lượng tái tạo,…) theo quy định của pháp luật.
14	Xây dựng công trình, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
15	Xây dựng hệ thống kênh tiêu các huyện, thị xã, thành phố toàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
16	Dự án xây dựng nâng cấp, kiên cố hệ thống kênh nhánh thuộc các Hồ chứa, Đập dâng, Trạm bơm, Kênh chuyển nước lưu vực toàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
V.2	***Kè, đê chắn sóng***					
1	Xây dựng các kè sông: Cà Ty, Sông Lòng Sông, Sông Lũy, Sông Quao, Sông Cái, Sông Phan, Sông Dinh, Sông La Ngà	x	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Dự án nạo vét đảm bảo tiêu thoát lũ các sông, suối, tuyến ống xả lũ hồ chứa và xây dựng Kè bảo vệ bờ các sông, suối nhỏ qua các khu dân cư, khu du lịch trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố toàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Dự án Kè chống xâm thực, bảo vệ bờ biển phía Bắc đảo Phú Quý		x	x	Ngân sách Trung ương	
4	Dự án xây dựng, nâng cấp Kè sông Cà Ty và các tuyến đường 2 bên kè (các đoạn qua khu dân cư còn lại của thành phố Phan Thiết)	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Kè Đồi Dương		x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
6	Dự án sửa chữa, nâng cấp tuyến đê bao Võ Xu - Đức Tín		x		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
7	Xây dựng đê chắn sóng kết hợp làm kho bãi		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
8	Xây dựng hệ thống đê kè chống sóng, bảo vệ và tôn tạo bãi để giảm tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và hỗ trợ du lịch biển phát triển tại các khu vực bãi biển bị xói lở và Hệ thống đê kè bảo vệ chống xói lở bờ biển tại các khu dân cư, khu du lịch các huyện, thị xã và thành phố ven biển toàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
V.3	***Khu neo đậu tàu thuyền, tránh trú bão, cảng cá***					
1	Nâng cấp, mở rộng các Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Phú Hài (cấp vùng), La Gi		x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
2	Xây dựng các Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Phú Quý (giai đoạn 2) (cấp vùng), Mũi Né, Phan Rí Cửa, Chí Công, Ba Đăng, Liên Hương, Hồ Lân, Hà Lãng, Tân Thành, Hòa Thắng, Bình Thạnh.	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	Trong đó, Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ưu tiên thực hiện Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Đảo Phú Quý
3	Các cảng cá: Mũi Né, Phan Thiết, Phú Quý, La Gi, Phan Rí Cửa, Phú Hải, Chí Công, Ba Đăng, Liên Hương, Hồ Lân, Hà Lãng, Tân Thành, Hòa Thắng, Bình Thạnh.	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
V.4	***Các dự án nông nghiệp công nghệ cao***					
1	Hạ tầng vùng sản xuất tập trung nông nghiệp công nghệ cao	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Dự án vùng phát triển cây thanh long theo hướng ứng dụng công nghệ theo quy trình GlobalGAP, VietGAP	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Dự án đầu tư khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
4	Dự án phát triển sản xuất rau, củ, quả an toàn	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Xây dựng vùng lúa chất lượng cao tại huyện Đức Linh xuất khẩu sang Nhật Bản.		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
6	Dự án khu phức hợp phát triển chăn nuôi theo hướng công nghệ cao Sông Bình - Bắc Bình		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
7	Mở rộng, nâng cấp Khu sản xuất giống thủy sản Chí Công - Tuy Phong thành Khu sản xuất giống thủy sản công nghệ cao	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
8	Dự án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất giống gia súc, gia cầm	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
V.5	***Các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản khác***					
1	Dự án đầu tư, bảo vệ và phát triển hệ sinh thái tại khu vực công viên Hùng Vương.	x	x	x	Ngân sách địa phương	
2	Đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và đầu tư kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số)	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
3	Dự án xây dựng Khu bảo tồn biển Cù Lao Cau	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
4	Dự án trồng rừng phòng hộ ven biển	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Dự án trồng rừng nguyên liệu giấy	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
6	Dự án trồng rừng gỗ lớn nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn toàn tỉnh	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
7	Dự án mở rộng nuôi thương phẩm và sản xuất giống cá Tầm ở hồ Đa Mi		x		Vốn ngoài nhà nước, FDI	
8	Dự án đầu tư Trại giống thủy sản nước ngọt Đức Linh - Tánh Linh		x		Vốn ngoài nhà nước, FDI	
9	Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt tập trung	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
10	Dự án đầu tư Khu sản xuất tôm bố mẹ nước lợ Phú Quý	x	x		Vốn ngoài nhà nước, FDI	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
11	Trồng cây lâu năm, bảo vệ môi trường mỏ Núi Dây	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
12	Dự án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại dự án bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh, trồng và phát triển thực vật rừng dầu, một số loài động vật quý, hiếm (nhóm IB, IIB) và thông thường.	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
13	Xây dựng hàng rào bảo vệ rừng và đường tuần tra phòng cháy, chữa cháy rừng	x	x	x	Ngân sách nhà nước	
14	Trồng cây dược liệu, thực phẩm chức năng	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
15	Dự án trồng rừng, trồng trọt, chăn nuôi	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
VI	**Lĩnh vực cấp, thoát nước, xử lý chất thải, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ**					
VI.1	***Cấp nước***					
1	Xây dựng các nhà máy nước: Vĩnh Hảo, Sông Lũy, Lương Sơn, Cà Giây, Hàm Thuận Bắc, Hàm Liêm - Sông Quao, KCN Đông Bắc Phan Thiết, Suối Đá, Hồng Sơn, Mương Mán,	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
	Tân Thắng, Đông Hà, hồ Cà Giang, Đức Bình - Lạc Tánh, La Ngâu, Gia An, Bàu Thiêu, Tà Pao, Đông Hà					
2	Nâng cấp các nhà máy nước: Hòa Thắng, Sông Mao, Thuận Bắc, Phú Long, Thiện Nghiệp, Bình An, Mương Mán, Tân Lập, Tân Thuận, Tân Nghĩa, Tân Minh, Tân Xuân, KCN Hàm Tân - La Gi, Thuận Nam, Tân Tiến, Măng Tố, Lạc Tánh, Mai Anh, Võ Xu, La Gi, Tuy Phong	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Dự án lọc nước biển thành nước ngọt huyện Phú Quý		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
4	Xây dựng mới, mở rộng tuyến ống cấp nước các công trình cấp nước hiện hữu	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Trạm bơm cấp I và tuyến ống nước thô từ công trình thủy lợi về nhà máy nước hiện hữu	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
6	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung cho các điểm dân cư nông thôn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, đô thị	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
VI.2	***Thoát nước, xử lý chất thải***					
1	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải Phú Long		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Xây dựng các hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải: Liên Hương, Phan Rí Cửa, Vĩnh Tân, Chợ Lầu, Lương Sơn, Ma Lâm, Phan Thiết, Thuận Nam, Tân Nghĩa, Sơn Mỹ, Tân Minh, La Gi, Lạc Tánh, Võ Xu, Đức Tài, Phú Quý, cụm CN Đông Hà.		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Xây dựng các hệ thống xử lý nước thải các khu du lịch: Hàm Tiến, Tiến Thành, Mũi Né - Suối nước, La Gi, Hàm Tân, Hàm Thuận Nam, Bắc Bình, Tuy Phong	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
4	Xây dựng các trạm xử lý nước thải	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Nâng cấp, mở rộng các hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
6	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thoát nước và xử lý nước thải các khu, cụm công nghiệp và làng nghề	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
7	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các khu du lịch, các khu vực có kế hoạch đầu tư kết cấu hạ tầng để hình thành đô thị trong giai đoạn 2031 - 2050 và các điểm dân cư nông thôn tập trung	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
8	Xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch tại các bãi tắm công cộng trên địa bàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
9	Xây dựng các khu xử lý rác thải với công nghệ hiện đại, đảm bảo môi trường, xã hội và hiệu quả kinh tế.	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
10	Khu xử lý chất thải rắn nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
11	Khu tái chế, xử lý rác thải vật liệu xây dựng, bùn thải	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
12	Các dự án xử lý rác thải y tế	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
13	Dự án cải tạo, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường hướng tới đóng cửa Bãi rác Bình Tú, hình thành công viên cây xanh	x	x		Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
VI.3	***Xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ***					
1	Xây dựng mới, mở rộng các nghĩa trang, nghĩa địa	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Xây dựng nhà hỏa táng	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Xây dựng nhà tang lễ	x	x	x	Ngân sách địa phương	
4	Nghĩa trang sinh thái và nhà hỏa táng Sông Phan	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
5	Nghĩa trang sinh thái và nhà hỏa táng xã Hồng Sơn	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
6	Nghĩa trang sinh thái và nhà hỏa táng xã Hàm Hiệp, Hàm Thạnh	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
7	Các nghĩa trang sinh thái và nhà hỏa táng	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
VII	**Lĩnh vực xây dựng, đô thị, khu dân cư**					
1	Các dự án xây dựng các khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư trên địa bàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Dự án Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
3	Dự án Khu đô thị thương mại dịch vụ, vui chơi giải trí tổng hợp trên trục đường Võ Nguyên Giáp	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
4	Khu đô thị ven sông Nam Phan Thiết		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Dự án khu đô thị sân bay Phan Thiết	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
6	Dự án khu đô thị dịch vụ du lịch thương mại ven biển Hòa Thắng		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
7	Khu đô thị phức hợp du lịch Bàu Trắng		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
8	Dự án khu đô thị dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ven biển Phan Rí Cửa		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
9	Dự án Khu đô thị Bắc Kênh thoát lũ		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
10	Dự án Khu dân cư đô thị Hàm Kiệm - Tiến Thành		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
11	Dự án Khu đô thị phức hợp trí tuệ nhân tạo - thể thao - giáo dục và giải trí quốc tế		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
12	Dự án Khu Quảng trường biển - đô thị Đồi Dương Bình Tân		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
13	Khu đô thị - Dịch vụ Hàm Tân - La Gi		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
14	Các dự án nhà ở xã hội	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
15	Các dự án đền bù tạo quỹ đất sạch đấu giá	x	x	x	Ngân sách địa phương	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
16	Dự án Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại II		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
17	Khu hành chính tập trung, khu quảng trường tỉnh		x	x	Ngân sách địa phương	
18	Các dự án hạ tầng các khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư trên địa bàn tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
VIII	**Lĩnh vực thông tin truyền thông; khoa học và công nghệ**					
1	Xây dựng Chính quyền số	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
2	Xây dựng đô thị thông minh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Phát triển hạ tầng IoT phục vụ xây dựng đô thị thông minh	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
4	Phát triển hạ tầng số	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
5	Dự án ngầm hóa hệ thống cung cấp năng lượng và thông tin		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
6	Xây dựng khu công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bình Thuận		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
7	Các dự án phát triển kinh tế số, hạ tầng số	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
8	Tạo lập và hoàn thiện cơ sở dữ liệu hộ tịch tỉnh Bình Thuận		x	x	Ngân sách địa phương	
9	Phát triển hạ tầng mạng 5G	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
10	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông và cung cấp năng lượng	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
11	Dự án cụm liên kết ngành khoa học - công nghệ cao gắn với đổi mới sáng tạo tỉnh Bình Thuận		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
12	Dự án Khu công nghệ cao	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
13	Nâng cao năng lực Trung tâm thông tin và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
14	Nâng cao năng lực Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
15	Các dự án về an toàn thông tin mạng	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
16	Các dự án về bưu chính, mạng lưới thông tin, truyền thông	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
17	Các dự án về phát triển xã hội số	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
IX	**Lĩnh vực Văn hóa, Thể dục, Thể thao và Du lịch**					
IX.1	***Văn hóa, Thể dục, Thể thao***					
1	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia - thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở II) tại phường Phú Hài, thành phố Phan Thiết	x	x	x	Ngân sách nhà nước	
2	Xây dựng Bảo tàng tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước	
3	Nhà hát và triển lãm văn hóa nghệ thuật tỉnh Bình Thuận	x			Ngân sách nhà nước	
4	Tu bổ, tôn tạo các di tích, đình làng, bảo tàng, văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (đình làng và Dinh Ông Cô, phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, Trung tâm trưng bày văn hóa Chăm Bắc Bình, nhà làm việc và nhà trưng bày Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận…)	x	x	x	Ngân sách nhà nước	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
5	Đầu tư hạ tầng đảm bảo kết nối số các thư viện cấp huyện với thư viện cấp tỉnh		x	x	Ngân sách địa phương	
6	Xây dựng mới sân vận động tỉnh	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
7	Xây dựng mới Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
8	Trung tâm thể dục thể thao mới (phía Tây)		x		Ngân sách địa phương	
9	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thi đấu thể thao huyện Tánh Linh trở thành Trung tâm đào tạo vận động viên thành tích cao của tỉnh.		x		Ngân sách địa phương	
10	Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống bể bơi các huyện, thị xã, thành phố	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
11	Đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình thiết chế văn hóa, thể thao và các di tích lịch sử văn hóa	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
IX.2	***Du lịch***					
1	Cổng chào khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận		x		Ngân sách địa phương	
2	Xây dựng Điểm du lịch văn hóa Lầu Ông Hoàng		x		Ngân sách địa phương	
3	Nâng cấp dự án "Bảo vệ rùa biển phục vụ phát triển du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng" thành Trung tâm cứu hộ rùa biển Hòn Cau	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
4	Dự án Khu sân Golf và biệt thự Hàm Thuận Nam		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
5	Khu đô thị phức hợp trí tuệ nhân tạo - thể thao - giáo dục và giải trí quốc tế		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
6	Khu đô thị du lịch, nghệ thuật, văn hóa và thể thao		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
7	Khu đô thị du lịch Mice và Wellness		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
8	Đầu tư xây dựng mới 4-5 sân Golf ở thị xã La Gi và các huyện: Bắc Bình; Hàm Thuận Nam; Hàm Tân; Hàm Thuận Bắc.		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
9	Dự án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Safari - Hồng Liêm	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
10	Khu du lịch Hàm Thuận - Đa Mi	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
11	Khu du lịch Sông Quao	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
12	Khu vui chơi giải trí tổng hợp trên trục đường Võ Nguyên Giáp		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
13	Khu du lịch Ngảnh Tam Tân - Dinh Thầy Thím	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
14	Khai thác du lịch tại các điểm du lịch sinh thái Tà Kóu, Thác Bà	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	Thuê môi trường rừng thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
15	Khu du lịch cao cấp Phú Quý		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
16	Khu du lịch thể thao biển Gò Đình	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
17	Khu du lịch Suối nước nóng Bưng Thị		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
18	Khu du lịch ven biển Tân Thắng - Thắng Hải	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
19	Khu du lịch ven biển Tân Thuận - Tân Thành	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
20	Khu du lịch ven biển Thuận Quý	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
21	Khu du lịch Cổ Thạch - Bình Thạnh	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
22	Khu du lịch Hòn Cau		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
23	Khu du lịch ven biển Hồng Phong	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
24	Khu phức hợp nghỉ dưỡng, du lịch và vui chơi giải trí	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
25	Dự án đô thị phức hợp làng thể vận hội mùa hè và các khu thể dục thể thao	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
26	Dự án đô thị phức hợp Trung tâm triển lãm Quốc tế (phục vụ du lịch MICE)		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
27	Dự án đô thị phức hợp giáo dục và đào tạo, điểm đến cho Summer Camp		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
28	Dự án đô thị phức hợp thung lũng Silicon về trí tuệ nhân tạo và kỹ thuật số		x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
X	**Lĩnh vực y tế, an sinh xã hội**					
1	Đầu tư Bệnh viện đa khoa tỉnh	x	x	x	Ngân sách địa phương	
2	Xây dựng bệnh viện Sản Nhi		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
3	Xây dựng Trung tâm chăm sóc sức khỏe kết hợp nghỉ dưỡng	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
4	Bệnh viện Tim mạch chất lượng cao	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
5	Xây dựng Trung tâm y tế chuyên ngành	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
6	Bệnh viện Quân y 175 tại xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
7	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	Di dời vào thời điểm thích hợp
8	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Kiểm nghiệm	x	x	x	Ngân sách địa phương	
9	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Giám định y khoa - Pháp y	x	x	x	Ngân sách địa phương	Trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Giám định y khoa và Trung tâm Pháp y
10	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực phía Nam	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
11	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
12	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực La Gi	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
13	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
14	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Phổi	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	Di dời vào thời điểm thích hợp
15	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Da liễu		x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
16	Nâng cấp, mở rộng các Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
17	Các Phòng khám đa khoa khu vực	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
18	Nâng cấp Trạm Y tế các xã, phường trên toàn tỉnh Bình Thuận	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
19	Thu hút các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, Phòng khám đa khoa tư nhân ở các huyện, thị xã, thành phố	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
20	Cơ sở 2 - Cơ sở điều trị nghiện ma túy		x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
21	Xây dựng Trung tâm điều dưỡng người có công		x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
22	Thu hút xã hội hóa, kêu gọi đầu tư các dự án bảo trợ xã hội, cai nghiện ma tuý	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
23	Nâng cấp, mở rộng quy mô và hiện đại hóa trang thiết bị, kỹ thuật của Trung tâm giới thiệu việc làm	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
XI	**Lĩnh vực giáo dục và đào tạo**					
1	Xây dựng trường Đại học		x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Trường Cao đẳng Bình Thuận	x	x	x	Ngân sách địa phương	
3	Nâng cấp trường Trung cấp Bách khoa miền Nam thành trường Cao đẳng Bách khoa miền Nam		x		Vốn ngoài nhà nước, FDI	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
4	Đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa các trường cao đẳng, trung cấp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	x	x	x	Ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
5	Đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình trường học, trường các cấp học trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	x	x	x	Ngân sách địa phương	
6	Thu hút các dự án xã hội hóa đầu tư giáo dục ở tất cả các cấp học	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
7	Phát triển cơ sở đào tạo và trung tâm sát hạch lái xe ô tô	x	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
XII	**Lĩnh vực Quốc phòng - An ninh**					
1	Xây dựng doanh trại Hải đội Dân quân thường trực	x	x		Ngân sách địa phương	
2	Trung tâm huấn luyện bảo vệ sức sống tàu Hải đội Dân quân thường trực		x		Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
3	Sở Chỉ huy thống nhất		x		Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
4	Xây dựng doanh trại bảo đảm huấn luyện lực lượng quân nhân dự bị, kết hợp bố trí cho nhân dân ăn ở tập trung trong phòng chống bão, thảm họa thiên tai, dịch bệnh (giai đoạn 1)	x	x	x	Ngân sách địa phương	
5	Trạm kiểm soát Biên phòng Vĩnh Tân/Đồn Biên phòng Liên Hương	x	x		Ngân sách địa phương	
6	Trạm kiểm soát Biên phòng cửa khẩu cảng Phú Quý	x			Ngân sách địa phương	
7	Xây dựng trụ sở làm việc, doanh trại công an 3 cấp: Tỉnh, huyện, xã	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
8	Kho vật chứng và kho tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc Công an tỉnh		x		Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
9	Lắp đặt các trụ chữa cháy	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	
10	Trụ sở làm việc Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ các huyện, thị xã, thành phố (17 công trình trụ sở, doanh trại)		x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030		
11	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh theo quy định.	x	x	x	Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương	

Ghi chú:

1. Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, thực hiện phê duyệt và triển khai đầu tư bảo đảm phù hợp các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tiễn, khả năng huy động, bố trí các nguồn lực và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH TRẠM BIẾN ÁP VÀ ĐƯỜNG DÂY 110KV TỈNH BÌNH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
I	**Trạm biến áp 110 kV**			
1	Vĩnh Hảo	MVA	2 x 63	
2	Hàm Thuận Bắc	MVA	2 x 63	Trạm 110kV Hàm Thuận Bắc và nhánh rẽ đấu nối
3	Hàm Thạnh	MVA	2 x 63	Trạm 110kV Hàm Thạnh và đường dây 110kV Hàm Thuận Nam 2 - Hàm Thạnh
4	Phú Hài	MVA	2 x 63	Trạm biến áp 110kV Phú Hài và đường dây đấu nối
5	Tánh Linh (Trạm 110kV Tánh Linh và nhánh rẽ đấu nối)	MVA	2 x 40	
			2 x 63	
6	Hòa Thắng	MVA	2 x 40	Trạm 110kV Hòa Thắng và đường dây đấu nối
			2 x 63	
7	Tân Đức	MVA	2 x 40	Trạm 110kV Tân Đức và đường dây 110kV Hàm Tân 2 - Tân Đức, tỉnh Bình Thuận

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
8	Hàm Chính	MVA	2 x 63	
9	Hàm Cường	MVA	2 x 63	
10	Tân Hải	MVA	2 x 63	
11	Sơn Mỹ	MVA	2 x 63	Trạm 110kV KCN Sơn Mỹ và đường dây đấu nối
12	Hàm Thắng	MVA	2 x 63	
13	Sông Phan	MVA	2 x 63	
14	Tiến Lợi	MVA	2 x 63	
15	Gia An	MVA	2 x 63	
16	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Sông Bình (hiện hữu 1 x 63 MVA)	MVA	2 x 63	
17	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Thắng Hải (hiện hữu 1 x 40 MVA)	MVA	2 x 40	
			2 x 63	
18	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Mũi Né (hiện hữu 2 x 40 MVA)	MVA	2 x 63	
19	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Phan Rí (hiện hữu 2 x 40 MVA)	MVA	2 x 63	
20	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Hàm Tân (hiện hữu 2 x 40 MVA)	MVA	2 x 63	
21	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm Đức Linh (hiện hữu 2 x 40 MVA)	MVA	2 x 63	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
22	Thung Lũng Đại Dương	MVA	2 x 63	Trạm biến áp 110kV Thung lũng Đại Dương và đường dây đấu nối
			3 x 63	
23	Đông Hà	MVA	1 x 63	
			2 x 63	
24	Thủy điện Sông Lũy	MVA	20	
25	Trạm cắt 110 kV Thủy điện Sông Lũy			
26	Dự phòng phát sinh TBA 110 kV xây mới, cải tạo nâng công suất			
26.1	*Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải (sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị, khai thác, chế biến titan,...), trong đó:*	*MVA*	*1.260*	
-	TBA 110 kV T1 Sơn Mỹ 2	MVA	2 x 63	- Nhu cầu phát sinh mới giai đoạn 2025 - 2030; dự kiến đấu nối vào tuyến đường dây 110kV NMĐMT Sơn Mỹ 3.1 - Thắng Hải hiện hữu; - Chỉ được thực hiện khi phù hợp các Quy hoạch, Kế hoạch có liên quan và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.
-	TBA 110 kV T2 Sơn Mỹ 2	MVA	2 x 63	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
-	Các trạm biến áp khác khi phát sinh nhu cầu			- Nhu cầu phát sinh mới giai đoạn 2031 - 2050; - Chỉ được thực hiện khi phù hợp các Quy hoạch, Kế hoạch có liên quan và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.
26.2	*Dự phòng cho phát triển nguồn điện (thủy điện (Thác Ba, Sông Lũy 1, Đức Hạnh, La Ngâu), điện gió,… và các nguồn điện khác)*	*MVA*	*630*	
27	Các trạm biến áp xây dựng mới do các chủ dự án điện gió và điện mặt trời đầu tư			
II	**Đường dây 110 kV**			
1	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Vĩnh Hảo vào đường dây 110 kV Phú Lạc - Ninh Phước	Số mạch x km	2 x 0,8	
2	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Hàm Thuận Bắc vào đường dây 110 kV Phan Thiết - Lương Sơn, sau chuyển đấu nối vào đường dây 110 kV Phan Thiết 2 - Lương Sơn 2	Số mạch x km	2 x 1	Trạm 110kV Hàm Thuận Bắc và nhánh rẽ đấu nối (2x0,3 km)
3	Đường dây 110 kV Hàm Thuận Nam 2 - Hàm Thạnh (đấu nối trạm 110 kV Hàm Thạnh)	Số mạch x km	2 x 11	Trạm 110kV Hàm Thạnh và đường dây 110kV Hàm Thuận Nam 2 - Hàm Thạnh (2x10,79 km)

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
4	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Phú Hài vào đường dây 110 kV Mũi Né - Phan Thiết 2	Số mạch x km	2 x 1	Trạm biến áp 110kV Phú Hài và đường dây đấu nối
5	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Tánh Linh vào đường dây 110 kV Thủy điện Hàm Thuận - Đức Linh (Trạm 110kV Tánh Linh và nhánh rẽ đấu nối)	Số mạch x km	2 x 2,2	
6	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Hòa Thắng vào đường dây 110 kV Mũi Né - Lương Sơn	Số mạch x km	2 x 0,5	Trạm 110kV Hòa Thắng và đường dây đấu nối
7	Đường dây 110 kV Hàm Tân 2 - Tân Đức - Hòa Bình	Số mạch x km	2 x 32	Đường dây 110kV Hàm Tân 2 - Tân Đức - Hòa Bình
8	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Hàm Chính vào đường dây 110 kV Thủy điện Hàm Thuận - Phan Thiết 2	Số mạch x km	2 x 1	
9	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Hàm Cường vào đường dây 110 kV Hàm Thuận Nam 2 - Tân Thành	Số mạch x km	2 x 1	
10	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Tân Hải vào đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Tân 2 - Xuyên Mộc	Số mạch x km	2 x 1	
11	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Sơn Mỹ vào đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Tân 2 - Xuyên Mộc	Số mạch x km	2 x 1	Trạm 110kV KCN Sơn Mỹ và đường dây đấu nối

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
12	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Hàm Thắng vào đường dây 110 kV Phan Thiết - Lương Sơn	Số mạch x km	2 x 1	
13	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Sông Phan vào đường dây 110 kV Phan Thiết 2 - Hàm Tân 2	Số mạch x km	2 x 1	
14	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Tiến Lợi vào đường dây 110 kV Phan Thiết 2 - Hàm Tân 2	Số mạch x km	2 x 1	
15	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Gia An vào đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Thuận - Đức Linh	Số mạch x km	2 x 1	
16	Đường dây 110 kV từ TBA 220 kV Hàm Tân - Tân Thành	Số mạch x km	2 x 29	Đường dây 110kV Tân Thành - trạm 220kV Hàm Tân (2x33 km)
17	Đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Tân 2 - Xuyên Mộc	Số mạch x km	1 x 45	Đường dây 110kV mạch 2 Phước Thuận - Xuyên Mộc - trạm 220kV Hàm Tân (1x46,9 km)
18	Mũi Né - Hòa Thắng - Lương Sơn (Kéo dây mạch 2 phân pha) (Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV Lương Sơn - Hòa Thắng - Mũi Né)	Số mạch x km	2 x 29	
19	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Phan Rí 2	Số mạch x km	4 x 5	
20	Đường dây 110 kV mạch 2 Phan Thiết 2 - Lương Sơn - Phan Rí 2	Số mạch x km	1 x 70	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
21	Đường dây 110 kV mạch 2 Đại Ninh - Phan Rí 2	Số mạch x km	1 x 50	Đường dây 110kV mạch 2 Đại Ninh - Phan Rí 2 (31,3km (1x27 km; 2x4,3 km))
22	Đường dây 110 kV mạch 2 Phan Rí 2 - Tuy Phong - Ninh Phước 2	Số mạch x km	1 x 60	
23	Phan Thiết 2 - Mũi Né (Kéo dây mạch 2)	Số mạch x km	1 x 25	Kéo dây mạch 2 đường dây 110kV Phan Thiết 2 - Mũi Né (2 x 23,752 km)
24	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Hàm Thuận Nam	Số mạch x km	4 x 2	Lộ ra 110kV trạm 220kV Hàm Thuận Nam (Gồm 3 hạng mục công trình) (2x9 km; 4x3 km)
25	Đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Tân 2 - Phan Thiết 2	Số mạch x km	1 x 68	
26	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Hòa Thắng	Số mạch x km	2 x 5	
27	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Hồng Phong	Số mạch x km	4 x 7	
28	Kéo dây mạch 2 đường dây 110 kV Phan Thiết 2 - Mũi Né	Số mạch x km	1 x 25	Kéo dây mạch 2 đường dây 110kV Phan Thiết 2 - Mũi Né (2x23,752 km)
29	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây đường dây 110 kV Phan Thiết 2 - Mũi Né	Số mạch x km	2 x 25	
30	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây Phan Thiết - Lương Sơn - Phan Rí	Số mạch x km	1 x 68,5	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
31	Đường dây 110kV mạch 2 Phước Thuận - Xuyên Mộc - 220kV Hàm Tân 2 (Đường dây mạch 2 Hàm Tân 2 - Xuyên Mộc)	Số mạch x km	1 x 46,9	Đường dây 110kV mạch 2 Phước Thuận - Xuyên Mộc - trạm 220kV Hàm Tân (1x46,9 km)
32	Đường dây 110kV mạch 2 Lương Sơn - Phan Rí, tỉnh Bình Thuận (Đường dây mạch 2 Phan Thiết 2 - Phan Rí 2)	Số mạch x km	1 x 27	
33	Đường dây mạch 2 Ninh Phước - Tuy Phong - Phan Rí (Đường dây mạch 2 Phan Rí 2 - Ninh Phước 2)	Số mạch x km	1 x 60,1	
34	Đường dây 110 kV mạch 2 Hàm Thuận - Đức Linh	Số mạch x km	1 x 54	
35	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV Hàm Kiệm - Tân Thành (cải tạo từ 01 mạch lên 02 mạch)	Số mạch x km	2 x 29	
36	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV Hàm Thuận - Phan Thiết 2	Số mạch x km	2 x 57	
37	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110 kV Hàm Tân 2 - Hàm Tân	Số mạch x km	1 x 3	
38	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Tánh Linh	Số mạch x km	4 x 2	
39	Cải tạo đường dây 110kV Phan Thiết - Hàm Kiệm - Thuận Nam - Hàm Tân	Số mạch x km	1 x 62,3	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
40	Cải tạo kè chống sạt lở móng trụ trên các tuyến đường dây 110kV	Số mạch x km	1 x 5	
41	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV từ 174 Phan Thiết đến 172 Phan Rí	Số mạch x km	1 x 67,8	Phân pha dây dẫn ĐD 110kV từ 174 Phan Thiết - 172 Phan Rí (1x67,7 km)
42	Đường dây 110 kV Thung Lũng Đại Dương - Trạm 220kV Hàm Thuận Nam	Số mạch x km	2 x 13	Trạm biến áp 110kV Thung lũng Đại Dương và đường dây đấu nối
43	Lộ ra 110 kV trạm 220 kV Hàm Thuận Nam	Số mạch x km	2 x 11	Lộ ra 110kV trạm 220kV Hàm Thuận Nam (Gồm 3 hạng mục công trình) (2x9 km; 4x3 km)
44	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Thung Lũng Đại Dương vào đường dây 110 kV Hàm Kiệm - Tân Thành	Số mạch x km	2 x 3	Trạm biến áp 110kV Thung lũng Đại Dương và đường dây đấu nối
45	Nhánh rẽ đấu nối trạm 110 kV Đông Hà vào đường dây 110 kV Xuân Trường - Đức Linh	Số mạch x km	2 x 0,2	
46	Đường dây 110 kV từ trạm biến áp 110 kV Thủy điện Sông Lũy đến Trạm cắt 110 kV Thủy điện Sông Lũy	Số mạch x km	1 x 8	

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
47	Đường dây 110 kV từ Trạm cắt 110 kV Thủy điện Sông Lũy đấu nối vào đường dây 110 kV TĐ Đại Ninh - ĐMT Phan Lâm	Số mạch x km	2 x 0,1	
48	Dự phòng phát sinh đường dây 110 kV cải tạo và xây mới			
48.1	*Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải (sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị, khai thác, chế biến titan,...), trong đó:*	*km*	*100*	
-	Đường dây 110kV đấu nối sau TBA 220kV Vĩnh Hảo, tỉnh Bình Thuận	Số mạch x km	2 x 0,41	- Nhu cầu cho tăng trưởng phụ tải khu vực Đông Bắc Bình Thuận; - Chỉ được thực hiện khi phù hợp các Quy hoạch, Kế hoạch có liên quan và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.
-	Đường dây 110kV Hàm Tân 2 - Tân Đức	Số mạch x km	2 x 30	- Nhu cầu cho tăng trưởng phụ tải KCN Tân Đức; - Chỉ được thực hiện khi phù hợp các Quy hoạch, Kế

STT	Dự án/Công trình	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
				hoạch có liên quan và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.
-	Đường dây 110kV mạch 2 Xuân Trường - Đức Linh	Số mạch x km	1 x 35	- Nhu cầu cho tăng trưởng phụ tải khu vực Tây Bắc Bình Thuận; - Chỉ được thực hiện khi phù hợp các Quy hoạch, Kế hoạch có liên quan và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.
48.2	*Dự phòng cho phát triển nguồn điện (thủy điện (Thác Ba, Sông Lũy 1, Đức Hạnh, La Ngâu), điện gió,... và các nguồn điện khác)*	*km*	*100*	
49	Các đường dây xây dựng mới do các chủ dự án điện mặt trời, điện gió đầu tư			

Ghi chú:

1. Danh mục dự án, quy mô, công suất, phương án đấu nối cụ thể của các công trình TBA và đường dây 110kV thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, công

suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Các công trình TBA và đường dây sau trạm 110kV sẽ được phát triển phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, thực hiện phê duyệt và triển khai đầu tư bảo đảm phù hợp các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tiễn, khả năng huy động, bố trí các nguồn lực và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.